

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

* * *

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12.6.2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Kiều Văn Cách**

2. Bà **Lê Cẩm Huỳnh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Tuấn Anh**¹ Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ: Bà **Trần Thị Kiều Oanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H** – sinh năm: 1975 (*có mặt*)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng H1** - sinh năm: 1970 (*xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Tổ 02, khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 14.5.2018, nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Nguyễn Trọng H1 trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: vào năm 1998, bà H và ông H1 do mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có làm lễ đính hôn nhưng không tổ chức lễ kết hôn, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lộc vào ngày 15.3.2010. Quá trình vợ chồng chung sống nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H cho rằng do ông H1 thường ăn nhậu, có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi nhau dẫn đến ly thân, sau đó hàn gắn lại nhưng ông H1 không sửa đổi

tính tình cho nên đến tháng 11.2017 thì vợ chồng chính thức ly thân đến nay. Bà H xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Trọng H1 cho rằng trước đây có một thời gian do không có việc làm nên ông buồn và có đi nhậu, ông đi làm thành phố Hồ Chí Minh gửi tiền về cho bà H mua Tivi nhưng khi về nhà thì thấy chưa mua nên ông H1 có bức bối, vợ chồng xảy ra cự cãi chứ không có đánh vợ. Ngoài ra, trong thời gian ly thân từ tháng 11.2017 cho đến nay ông H1 không biết rõ vợ bà H đi đâu làm gì nên có ghen tuông, vợ chồng cự cãi. Nay ông H1 cho rằng còn thương vợ con nên mong muốn được đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà H và ông H1 xác định có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H2 – sinh ngày: 11.3.1999 và Nguyễn Trọng Thanh T – sinh ngày: 07.6.2001, hiện 02 con đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Thanh T, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Ý kiến của ông H1 thì tùy theo nguyện vọng của các con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H1 xác định giữa vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã động viên hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên ý kiến kiên quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Trọng H1. Bị đơn ông H1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Thanh T cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét mối quan hệ pháp luật, đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Xét việc ông H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo các đương sự trình bày là do ông H1 buồn bực vì không có việc làm nên đi ăn nhậu, về nhà có xảy ra cự cãi với bà H, ngoài ra ông H1 ghen tuông không rõ bà H đi đâu, làm gì trong thời gian ly thân, tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, thường hay xảy ra cãi nhau. Bà H xác định trước đây vợ chồng đã ly thân nhiều lần rồi được hàn gắn, chung sống lại nhưng ông H1 vẫn không khắc phục được khuyết điểm nên vợ chồng ly thân từ tháng 11.2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông H1 và bà H đều không tìm được biện pháp để hàn gắn tình cảm dẫn đến việc bà H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông H1 cho rằng còn thương vợ con và mong muốn được đoàn tụ, ông H1 cũng đã nhờ người thân nhưng không thuyết phục được bà H về chung sống. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm và sự tự nguyện của cả hai bên nhưng trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà H xác định đã cho ông H1 nhiều cơ hội nhưng không sửa đổi được tính tình, nay bà không còn tình cảm và lòng tin để tiếp tục chung sống nên kiên quyết xin ly hôn với ông H1, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà H được ly hôn với ông H1 là phù hợp.

- Về con chung: Bà H và ông H1 xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H2 – sinh ngày: 11.3.1999 và Nguyễn Trọng Thanh T – sinh ngày: 07.6.2001, cả 02 con đang sống với bà H. Xét thấy, đối với cháu H2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt vấn đề giải quyết. Đối với cháu T cũng đã gần đến tuổi trưởng thành, hiện đang sống với bà H do đó nghĩ nên tiếp tục giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà H xác

định có đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nên Hội đồng không xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông H1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 147, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H1.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H2 – sinh ngày: 11.3.1999 và Nguyễn Trọng Thanh T – sinh ngày: 07.6.2001, hiện đang sống với bà H. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu Thanh T cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H1, không ai được quyền ngăn cản. Ông H1 và bà H được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải nộp số tiền 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/003968 ngày 20.4.2018 (công nhận đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Tân Lộc;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

NGUYỄN TRUNG HIẾU